

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-ST

Ngày: 23 - 3 - 2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiểm.

2. Ông Giáp Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-DS ngày 6 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2023/QĐST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1974, có mặt.

Địa chỉ: TDP số xxx, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1982, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Dương Thị N, sinh năm 1989, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981, có mặt.

Địa chỉ: TDP số xxx, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 4/10/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Nguyễn Văn G trình bày:

Vợ chồng ông chuyên đi thu mua Lợn ở các cơ sở chăn nuôi sau đó giao cho các lò giết mổ lợn trên địa bàn các huyện Việt Yên, Tân Yên, Hiệp Hòa, trong các lò giết mổ lợn tại huyện Tân Yên có lò giết mổ của gia đình ông Phạm Văn Q,

bà Dương Thị N. Từ tháng 6/2020 vợ chồng ông bắt đầu giao Lợn cho lò giết mổ của gia đình ông Q, bà N, hai bên không làm hợp đồng nhưng có thỏa thuận bằng lời nói với nhau là khi vợ chồng ông giao Lợn thì vợ chồng ông Q trả một phần tiền còn nợ lại một phần. Tiền nợ những lần giao Lợn ông Q đều ký vào sổ giao hàng với vợ chồng ông hoặc ông Q ký chốt nợ từng thời điểm trong sổ giao hàng. Đến cuối năm 2020 do thấy ông Q, bà N có hiện tượng không thanh toán được tiền nợ, nên vợ chồng ông đã ngừng cung cấp Lợn cho ông Q, thời điểm dừng cung cấp Lợn, ông Q, bà N còn nợ vợ chồng ông tổng số tiền là 578.400.000 đồng, sau đó qua rất nhiều lần đòi nợ ông Q, bà N đã trả được một phần. Ngày 25/3/2021 vợ chồng ông mới yêu cầu ông Q, bà N viết giấy vay tiền có nội dung là ông Q, bà N nợ vợ chồng ông số tiền 438.000.000 đồng và thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng vì số tiền trên vợ chồng ông cũng phải đi vay anh em để kinh doanh, việc thỏa thuận lãi suất không ghi vào giấy vay tiền mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Ông Q, bà N ký vào giấy vay tiền và hẹn ngày 25/4/2021 thì trả hết nợ, đến hạn trả nợ ông Q, bà N mới trả thêm được 50.000.000 đồng tiền gốc thông qua chuyển khoản là 30.000.000 đồng và trả bằng tiền mặt là 20.000.00 đồng, vợ chồng ông tự trừ tiền ông Q, bà N trả. Nay ông xác định ông Q, bà N nợ vợ chồng số tiền là 388.000.000 đồng.

Vợ chồng ông đã gọi điện và đến gia đình ông Phạm Văn Q và bà Dương Thị N đòi nợ nhiều lần nhưng ông Q, bà N cố tình không nghe điện thoại, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Nay vợ chồng ông yêu cầu ông Q, bà N phải trả vợ chồng ông số tiền gốc là 388.000.000 đồng, tiền lãi của khoản tiền nợ là 0,8%/tháng kể từ ngày 25/4/2021 cho đến ngày xét xử, tiền lãi mỗi tháng là 3.104.000 đồng/tháng tính đến ngày xét xử là 22 tháng 26 ngày, tiền lãi là 70.978.000 đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là 458.978.000 đồng (Bốn trăm năm mươi tám triệu, chín trăm bảy tám nghìn đồng), yêu cầu trả lãi tiếp theo cho đến khi trả xong số tiền nợ.

Tại bản tự khai ngày 8/11/2022 và lời khai tại Tòa án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vợ chồng bà mua Lợn ở các cơ sở chăn nuôi sau đó giao cho các lò giết mổ lợn trên địa bàn các huyện Việt Yên, Tân Yên, Hiệp Hòa, tháng 6/2020 vợ chồng bà giao lợn cho lò giết mổ gia đình ông Phạm Văn Q, bà Dương Thị N, khi giao Lợn vợ chồng ông Q trả một phần tiền còn nợ lại một phần, những lần giao Lợn ông Q đều ký vào sổ giao hàng với vợ chồng bà hoặc ông Q ký chốt nợ từng thời điểm trong sổ giao hàng. Đến cuối năm 2020 do thấy ông Q, bà N không thanh toán được tiền nợ, nên vợ chồng bà ngừng cung cấp Lợn cho ông Q, số tiền ông Q,

bà N nợ tại thời điểm ngừng cung cấp Lợn là 578.400.000 đồng. Ngày 25/3/2021 vợ chồng ông Q, bà N viết giấy và ký vào giấy vay vợ chồng bà số tiền 438.000.000 đồng và thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, hạn ngày 25/4/2021 thì trả hết nợ, việc thỏa thuận lãi suất chỉ bằng lời nói, không ghi vào biên bản. Đến thời hạn trả nợ ông Q, bà N mới trả thêm được 50.000.000 đồng, ông bà tự trừ nợ số tiền ông Q đã trả, nay vợ chồng ông Q, bà N còn nợ vợ chồng bà số tiền là 388.000.000 đồng.

Vợ chồng bà đã điện thoại và đến gia đình ông Phạm Văn Q và bà Dương Thị N đòi nợ nhiều lần nhưng ông Q, bà N cố tình không nghe điện thoại, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Vợ chồng bà yêu cầu ông Q, bà N phải trả vợ chồng bà số nợ là 388.000.000 đồng, tiền lãi của khoản tiền nợ là 0,8%/tháng kể từ ngày 25/4/2021 tiền lãi mỗi tháng là 3.104.000 đồng/tháng tính đến ngày xét xử là 22 tháng 26 ngày, tiền lãi 70.978.000 đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là 458.978.000 đồng (Bốn trăm năm mươi tám triệu, chín trăm bảy tám nghìn đồng), yêu cầu trả lãi tiếp theo cho đến khi trả xong số tiền nợ.

Cán bộ Tòa án và cán bộ địa phương đến gia đình ông Phạm Văn Q, bà Dương Thị N nhiều lần để giao giấy tờ; hướng dẫn tự khai và lập biên bản làm việc, nhưng ông Q và bà N đều trốn tránh không gặp và không hợp tác, từ chối ký biên bản giao nhận, không cung cấp lời khai, cũng như tự khai, không làm việc với cán bộ Tòa án. Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên toà ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Phạm Văn Q, bà Dương Thị N phải trả số tiền vay là 388.000.000 đồng, tiền lãi là 70.978.000 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 458.978.000 đồng (Bốn trăm năm mươi tám triệu, chín trăm bảy tám nghìn đồng).

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn ông Nguyễn Văn G, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định; bị đơn ông Phạm Văn Q, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản:

- Buộc ông Phạm Văn Q, bà Dương Thị N phải trả cho ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị H số tiền vay là 388.000.000 đồng, tiền lãi là 22 tháng 26 ngày, tiền lãi là 70.978.000 đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là 458.978.000 đồng (Bốn trăm năm mươi tám triệu, chín trăm bảy tám nghìn đồng).

- Dương sự phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn G và bị đơn ông Phạm Văn Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn Q và bà Dương Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Q và bà N.

[3] Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Phạm Văn Q và bà Dương Thị N trả số tiền vay ngày 25/3/2021 là 388.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 25/4/2021 tính đến ngày xét xử là 70.978.000 đồng, xác định đây là quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G, Hội đồng xét xử thấy:

Về nghĩa vụ trả tiền và số tiền phải trả: Tại 01 giấy vay tiền đề ngày 25/3/2021 thể hiện người vay là Phạm Văn Q, sinh ngày 16/9/1982 vay của ông G, bà H Khu xxx thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang số tiền 438.000.000 đồng, hẹn đến ngày 25/4/2021 dương lịch trả có chữ ký của người vay Phạm Văn Q và vợ Dương Thị N. Nguồn gốc của khoản tiền vay là vợ chồng ông Q mua lợn của vợ

chồng ông G từ ngày 27/6/2020 đến ngày 02/3/2021 chịu lại số tiền là 578.400.000 đồng, do chưa trả tiền nên vợ chồng ông Q đã ký nhận giấy vay tiền trên.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và do nguyên đơn cung cấp nhận thấy từ ngày 27/6/2020 đến ngày 02/3/2021 vợ chồng ông Nguyễn Văn G bà Nguyễn Thị H đã nhiều lần tiến hành giao Lợn cho gia đình ông Phạm Văn Q và bà Dương Thị N, trong sổ giao Lợn của vợ chồng ông G cho vợ chồng ông Q thể hiện, vợ chồng ông Q bà N trả tiền bằng hình thức trực tiếp hoặc chuyển khoản thì ông Q thường ký chốt nợ vào Sổ giao hàng. Do không trả được tiền nợ ngày 25/3/2021 vợ chồng ông Q, bà N cùng ký giấy vay tiền nhận nợ vợ chồng ông G bà H số tiền 438.000.000 đồng, sau đó ông Q, bà N đã trả thêm được 50.000.000 đồng, số tiền này ông G và bà H tự trừ cho ông Q. Sau khi đã trừ số tiền vợ chồng ông Q đã trả thì xác định ông Q, bà N còn nợ ông G, bà H số tiền 388.000.000 đồng.

Xét thấy kể từ ngày vợ chồng ông Q bà N ký nhận vào giấy vay tiền đề ngày 25/3/2021 nhận vay nợ vợ chồng ông G bà H thì hợp đồng mua bán giữa vợ chồng ông G và vợ chồng ông Q đã được chuyển hoá thành Hợp đồng vay tài sản (tiền). Ngày 17/10/2023 Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản, căn cứ vào giấy vay tiền được ký kết giữa các bên cần xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là Hợp đồng vay tài sản. Việc ký vay tiền của vợ chồng ông Q bà N là tự nguyện và phát sinh trong quá trình chung sống cùng nhau, do vậy ông Q và bà N cùng phải có trách nhiệm trả nợ chung. Yêu cầu của ông G buộc ông Q bà N phải trả số tiền thấp hơn số tiền mà ông Q và bà N ký nhận trong giấy vay tiền nên cần được chấp nhận, do vậy có căn cứ cần buộc vợ chồng ông Q, bà N phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông G bà H số tiền nợ là 388.000.000 đồng.

Ông G, bà H yêu cầu ông Q bà N trả cho vợ chồng ông tiền lãi của số tiền vay 388.000.000 đồng, lãi suất 0,8%/tháng tiền lãi là 3.104.000 đồng/tháng tính từ thời điểm ngày 25/4/2021 cho đến ngày xét xử. Căn cứ khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự trong trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, như vậy lãi suất của khoản tiền vay được xác định không quá 10%/năm tương đương với 0,833%/tháng. Việc ông G và bà H xác định khi vay tiền hai bên có thoả thuận lãi suất bằng lời nói là 2%/tháng, tuy nhiên khi tiến hành khởi kiện ông G và bà H chỉ yêu cầu của vợ chồng ông Q phải trả lãi của khoản tiền vay là 0,8%/tháng, thấp hơn so với quy định của pháp luật, nên cần được chấp nhận.

Do vậy cần tính lãi vợ chồng ông Q bà N phải trả cho vợ chồng ông G bà H như sau: Số tiền nợ 388.000.000 đồng x 0,8%/tháng = 3.104.000 đồng x 22 tháng 26 ngày = 70.978.000 đồng. Số tiền nợ gốc là 388.000.000 đồng và lãi là 70.978.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi vợ chồng ông Q bà N phải trả cho vợ chồng ông G bà H là 458.978.000 đồng (Bốn trăm năm mươi tám triệu, chín trăm bảy tám nghìn đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 463, khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[5] Về lãi suất phát sinh do các bên không thoả thuận được về lãi: Do bị đơn ông Phạm Văn Q, bà Dương Thị N vắng mặt tại phiên tòa nên không thoả thuận được lãi suất chậm thi hành án, lãi suất chậm trả thực hiện theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của ông Nguyễn Văn G được chấp nhận nên ông Phạm Văn Q, bà Dương Thị N phải có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Cần trả lại cho ông G số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G. Buộc vợ chồng ông Phạm Văn Q, bà Dương Thị N phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là 388.000.000 đồng, tiền lãi là 70.978.000 đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là 458.978.000 đồng (Bốn trăm năm mươi tám triệu, chín trăm bảy tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2] Án phí: Vợ chồng ông Phạm Văn Q, bà Dương Thị N phải chịu 22.359.000 đồng (Hai hai triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Nguyễn Văn G số tiền 10.930.000 đồng (Mười triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0011861 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

[3] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Biên